

QUYẾT ĐỊNH
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 256/2006/QĐ-TTg NGÀY 09 THÁNG 11 NĂM 2006
BAN HÀNH QUY CHẾ ĐẦU THẦU, ĐẶT HÀNG, GIAO KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc quản lý, đặt hàng, giao kế hoạch, thanh toán, quyết toán sản phẩm, dịch vụ công ích đối với các tổng công ty nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG
Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
ĐẤU THẦU, ĐẶT HÀNG, GIAO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg
ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (sau đây gọi tắt là Nghị định số 31/2005/NĐ-CP của Chính phủ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác và hợp tác xã (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) đã đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, có tham gia sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch.

Điều 3. Cơ quan tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ quản lý ngành) tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc dự toán chi của ngân sách trung ương.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc dự toán chi của ngân sách địa phương.

Điều 4. Nguyên tắc lựa chọn phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

Việc lựa chọn phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được quy định thứ tự ưu tiên như sau:

1. Đấu thầu;
2. Đặt hàng;
3. Giao kế hoạch.

Điều 5. Sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Doanh nghiệp tham gia sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đấu thầu phải tự bù đắp chi phí theo giá thực hiện thầu.

2. Doanh nghiệp tham gia sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đặt hàng; công ty nhà nước tham gia sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức giao kế hoạch có giá tiêu thụ do Nhà nước quy định thấp hơn chi

phí thực tế hợp lý được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch dưới hình thức trợ giá, trợ cấp theo quy định tại Quy chế này.

3. Mức độ hoàn thành về sản lượng, chất lượng, tiến độ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch là các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích.

Chương II **ĐẤU THẦU THỰC HIỆN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG** **SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH**

Điều 6. Điều kiện tổ chức đấu thầu và tham gia dự thầu

1. Việc tổ chức đấu thầu để sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có kế hoạch đấu thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hồ sơ mời thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Thông tin về đấu thầu đã được đăng tải theo quy định tại Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn.

2. Các doanh nghiệp hoặc được gọi tắt là nhà thầu tham gia dự thầu phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành, nghề phù hợp với sản phẩm, dịch vụ công ích tham gia đấu thầu;

b) Hạch toán kinh tế độc lập;

c) Không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả; đang trong quá trình giải thể;

d) Chỉ được tham gia trong một hồ sơ dự thầu đối với một gói thầu với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc là nhà thầu liên danh. Trường hợp liên danh phải có văn bản thoả thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ người đứng đầu của liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu;

đ) Đáp ứng yêu cầu nêu trong thông báo mời thầu hoặc thư mời thầu của bên mời thầu.

Điều 7. Giá gói thầu, giá dự thầu, giá trúng thầu, giá hợp đồng

1. Giá gói thầu là giá trị gói thầu được xác định trong kế hoạch đấu thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trên cơ sở tổng mức đầu tư hoặc tổng dự toán, dự toán được duyệt và các quy định hiện hành.

Giá gói thầu do cơ quan tổ chức đấu thầu xây dựng dựa trên các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong hồ sơ dự thầu sau khi đã trừ phần giảm giá (nếu có), bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu kể cả các loại thuế theo luật định mà nhà thầu phải nộp khi thực hiện gói thầu.

3. Giá trúng thầu là giá được người có thẩm quyền hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kết quả đấu thầu để làm căn cứ cho bên mời thầu thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu. Giá trúng thầu không được vượt giá gói thầu trong kế hoạch đấu thầu được duyệt.

4. Giá hợp đồng là giá được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu thoả thuận sau khi thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và không được vượt giá trúng thầu.

Giá hợp đồng cùng với các điều kiện cụ thể về thanh toán là cơ sở để thanh toán và quyết toán sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 8. Hình thức và phương thức đấu thầu

1. Hình thức đấu thầu:

Tùy từng trường hợp cụ thể, cơ quan tổ chức đấu thầu lựa chọn hình thức đấu thầu theo quy định tại Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn.

2. Phương thức đấu thầu:

Áp dụng phương thức đấu thầu một túi hồ sơ.

Điều 9. Hợp đồng giao nhận thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Sau khi kết quả đấu thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan tổ chức đấu thầu và nhà thầu tiến hành ký hợp đồng giao nhận thầu theo đúng quy định của pháp luật.

2. Nội dung chủ yếu của hợp đồng giao nhận thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích bao gồm:

- a) Tên sản phẩm, dịch vụ công ích;
- b) Số lượng, khối lượng;
- c) Giá, đơn giá;
- d) Chất lượng;
- đ) Tiến độ hoàn thành;
- e) Giá trị hợp đồng;
- g) Phương thức nghiệm thu;
- h) Phương thức thanh toán (cách thức, tiến độ thanh toán);
- i) Trách nhiệm của mỗi bên khi thực hiện hợp đồng;
- k) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Nội dung hợp đồng phải đúng với các nội dung đã quy định tại hồ sơ mời thầu.

Ngoài ra, các bên có thể thoả thuận bổ sung một số nội dung khác trong hợp đồng nhưng không trái với các quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng

1. Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ áp dụng đối với hình thức hợp đồng theo đơn giá, hình thức hợp đồng theo thời gian và được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trường hợp Nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì điều chỉnh theo các chính sách này kể từ thời điểm các chính sách này có hiệu lực;

b) Trường hợp có khối lượng, số lượng tăng hoặc giảm trong quá trình thực hiện hợp đồng nhưng trong phạm vi của hồ sơ mời thầu và không do lỗi của nhà thầu gây ra thì việc tính giá trị tăng hoặc giảm phải căn cứ vào hợp đồng;

c) Trường hợp giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị nêu trong hợp đồng do Nhà nước kiểm soát có biến động lớn ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện hợp đồng thì phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng theo hợp đồng đã ký và phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Giá hợp đồng sau khi điều chỉnh không được vượt dự toán, tổng dự toán hoặc giá gói thầu trong kế hoạch đấu thầu đã được duyệt, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

3. Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hồ sơ mời thầu thì chủ đầu tư thoả thuận với nhà thầu đã ký hợp đồng để tính toán bổ sung các công việc phát sinh và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trường hợp thoả thuận không thành công thì nội dung công việc phát sinh đó hình thành một gói thầu mới và tiến hành lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.

Điều 11. Thủ tục và trình tự đấu thầu

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Chương II Quy chế này, thủ tục, trình tự và các quy định khác về đấu thầu sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích được thực hiện theo quy định tại Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn.

Chương III ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 12. Điều kiện đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Các doanh nghiệp quy định tại Điều 2 Quy chế này nhận đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích phải có đủ năng lực về vốn, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và tay nghề của người lao động đáp ứng được các yêu cầu của hợp đồng đặt hàng.

2. Việc đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích phải theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 31/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 13. Đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Căn cứ đặt hàng:

a) Đơn giá hoặc giá của sản phẩm, dịch vụ công ích sản xuất và cung ứng theo phương thức đặt hàng được xác định trên cơ sở áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành của Nhà nước và do Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp tỉnh (gọi tắt là các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền) quyết định theo quy định tại Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

b) Trên cơ sở dự toán được giao và đơn giá hoặc giá sản phẩm, dịch vụ công ích được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định, cơ quan đặt hàng xác định số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích để ký hợp đồng đặt hàng.

2. Hợp đồng đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích:

Căn cứ đặc thù của các sản phẩm, dịch vụ công ích đặt hàng, cơ quan đặt hàng ký kết hợp đồng với doanh nghiệp được đặt hàng theo các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- a) Tên sản phẩm, dịch vụ công ích;
- b) Số lượng, khối lượng;
- c) Chất lượng;
- d) Giá, đơn giá;
- đ) Mức trợ giá hoặc mức trợ cấp;
- e) Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích được trợ giá, trợ cấp;
- g) Giá trị hợp đồng;
- h) Thời gian hoàn thành;
- i) Địa điểm giao nhận;
- k) Phương thức nghiệm thu, thanh toán;
- l) Trách nhiệm và nghĩa vụ giữa cơ quan đặt hàng và doanh nghiệp được đặt hàng;
- m) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng.

Ngoài ra, các bên có thể thỏa thuận bổ sung một số nội dung khác trong hợp đồng nhưng không trái với quy định của pháp luật.

Điều 14. Điều chỉnh giá trị hợp đồng đặt hàng

Giá trị hợp đồng đặt hàng chỉ được điều chỉnh khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép trong các trường hợp:

1. Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật; giá, đơn giá hoặc mức trợ giá, mức trợ cấp sản phẩm, dịch vụ công ích.
2. Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương, giá nguyên nhiên vật liệu.

Điều 15. Thanh toán sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đặt hàng

1. Căn cứ thanh toán:

- a) Hợp đồng đặt hàng đã được ký kết giữa cơ quan đặt hàng với doanh nghiệp;
- b) Biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích hoàn thành giữa cơ quan đặt hàng với doanh nghiệp;
- c) Giá, đơn giá thanh toán do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định;
- d) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Cơ quan thực hiện thanh toán, quyết toán sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng bằng nguồn vốn ngân sách:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thanh toán, quyết toán đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện sản xuất và cung ứng theo phương thức đặt hàng bằng nguồn ngân sách địa phương.

b) Bộ quản lý ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện thanh toán, quyết toán đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện sản xuất và cung ứng theo phương thức đặt hàng bằng nguồn ngân sách trung ương.

3. Trình tự và thủ tục thanh toán, quyết toán sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo Quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 16. Trợ giá, trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đặt hàng

Các doanh nghiệp khi tham gia sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đặt hàng, nếu giá tiêu thụ theo quy định của Nhà nước thấp hơn chi phí thực tế hợp lý thì được ngân sách nhà nước trợ giá, trợ cấp theo số lượng hoặc khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thực tế tiêu thụ.

1. Trợ giá, trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đặt hàng:

a) Trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đặt hàng là khoản hỗ trợ tài chính của ngân sách nhà nước theo mức cố định tính trên từng đơn vị sản phẩm, dịch vụ công ích cho doanh nghiệp để sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng.

b) Trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đặt hàng là khoản hỗ trợ tài chính của ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp để sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng.

2. Mức trợ giá, trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đặt hàng:

a) Mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đặt hàng là phần chênh lệch giữa giá tiêu thụ theo quy định của Nhà nước với chi phí sản xuất hợp lý của doanh nghiệp để sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng.

b) Mức trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đặt hàng là phần chênh lệch giữa số tiền do Nhà nước thanh toán hoặc do người được hưởng sản phẩm, dịch vụ công ích thanh toán với chi phí sản xuất hợp lý của doanh nghiệp để sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng.

3. Căn cứ xem xét trợ giá, trợ cấp:

a) Thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích do Chính phủ quy định;

b) Hợp đồng đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

c) Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong hợp đồng đặt hàng. Trường hợp có sự thay đổi về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích

phải được cơ quan đặt hàng đồng ý bằng văn bản và được bố trí trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm.

4. Thẩm quyền quyết định mức trợ giá, trợ cấp:

a) Bộ Tài chính quyết định mức trợ giá, trợ cấp đối với sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng thanh toán từ nguồn ngân sách trung ương trên cơ sở đề nghị của Bộ quản lý ngành.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức trợ giá, trợ cấp đối với sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng thanh toán từ nguồn ngân sách địa phương trên cơ sở đề nghị của Sở chuyên ngành.

5. Phương thức cấp phát các khoản trợ giá, trợ cấp:

Phương thức cấp phát các khoản trợ giá, trợ cấp thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương IV

GIAO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 17. Căn cứ và thời gian giao kế hoạch

1. Căn cứ giao kế hoạch:

a) Công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chủ sở hữu là Nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích và công ty quốc phòng, an ninh (sau đây gọi chung là công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích) xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch riêng về sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích trong kế hoạch hàng năm của công ty báo cáo cơ quan giao kế hoạch.

b) Cơ quan giao kế hoạch căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước do Nhà nước giao cho các Bộ quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích và năng lực về vốn, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và tay nghề của người lao động của từng công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích để giao kế hoạch, sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của cơ quan tài chính.

Đối với các công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích từ nguồn thu phí đối với các loại phí quy định tại Pháp lệnh Phí và lệ phí thì cơ quan giao kế hoạch căn cứ vào kế hoạch thu phí (hoặc số tiền phí được để lại), các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích và năng lực về vốn, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và tay nghề của người lao động của từng công ty để giao kế hoạch, sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của cơ quan tài chính.

c) Đơn giá hoặc giá của sản phẩm, dịch vụ công ích cung ứng theo phương thức giao kế hoạch được xác định trên cơ sở áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành của Nhà nước và do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá.

2. Thời gian giao kế hoạch: cơ quan giao kế hoạch phải hoàn thành việc giao kế hoạch cho công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích trước ngày 31 tháng 12 năm trước.

Điều 18. Nội dung giao kế hoạch

Căn cứ đặc thù các sản phẩm, dịch vụ công ích, cơ quan giao kế hoạch giao cho công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích theo các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Kế hoạch sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích:

- a) Tên sản phẩm, dịch vụ công ích;
- b) Số lượng, khối lượng;
- c) Chất lượng;
- d) Thời gian;
- đ) Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ được trợ giá, trợ cấp.

2. Kế hoạch tài chính:

- a) Doanh thu, chi phí, lợi nhuận hoạt động công ích;
- b) Số phí thu được (hoặc số phí được để lại), chênh lệch giữa số phí thu được (hoặc số phí được để lại) với chi phí đối với công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích từ nguồn thu phí;
- c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành;
- d) Giá, đơn giá thanh toán sản phẩm, dịch vụ công ích;
- đ) Mức trợ giá, trợ cấp đối với sản phẩm, dịch vụ công ích có giá tiêu thụ thấp hơn chi phí hợp lý;
- e) Số tiền Nhà nước trợ cấp để trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (trường hợp công ty không đủ lợi nhuận để trích 2 quỹ này theo quy định).

3. Một số chỉ tiêu khác tùy theo đặc thù của sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc theo yêu cầu quản lý của Nhà nước.

Điều 19. Thanh toán sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức giao kế hoạch

1. Căn cứ thanh toán:

- a) Quyết định giao kế hoạch của Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao kế hoạch cho công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích;
- b) Quyết định giao kế hoạch của tổng công ty nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích cho công ty thành viên thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- c) Biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích hoàn thành giữa cơ quan giao kế hoạch (Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổng ty nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích) và công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích;
- d) Giá, đơn giá thanh toán do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;
- đ) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Cơ quan thực hiện thanh toán, quyết toán sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước giao kế hoạch bằng nguồn vốn ngân sách :

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thanh toán, quyết toán đối với sản phẩm, dịch vụ công ích giao kế hoạch cho các công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Bộ quản lý ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện thanh toán, quyết toán đối với sản phẩm, dịch vụ công ích giao kế hoạch cho các công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích trực thuộc Bộ.

c) Tổng công ty nhà nước được giao chức năng nghiệm thu và thanh toán sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện các thủ tục thanh toán đối với sản phẩm, dịch vụ công ích do tổng công ty nhận của Nhà nước giao cho các công ty thành viên thuộc tổng công ty. Việc thanh toán, quyết toán đối với sản phẩm, dịch vụ công ích giao cho tổng công ty thực hiện theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

3. Trình tự và thủ tục thanh toán, quyết toán sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 20. Trách nhiệm của công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích

1. Công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích có trách nhiệm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, trong đó có các chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

- a) Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- b) Chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- c) Tiến độ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Trường hợp trong năm thực hiện kế hoạch nếu có một số nguyên nhân khách quan cần điều chỉnh kế hoạch thì công ty phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và quyết định.

2. Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích phải báo cáo cơ quan giao kế hoạch, cơ quan tài chính cùng cấp tỉnh hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo.

Điều 21. Trợ giá, trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức giao kế hoạch

Công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích khi sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức giao kế hoạch, nếu giá tiêu thụ theo quy định của Nhà nước thấp hơn chi phí sản xuất hợp lý thì được ngân sách nhà nước trợ giá, trợ cấp theo số lượng hoặc khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thực tế tiêu thụ.

1 Trợ giá, trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức giao kế hoạch:

a) Trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức giao kế hoạch là khoản hỗ trợ tài chính của ngân sách nhà nước theo mức cố định tính trên từng đơn vị sản phẩm, dịch vụ công ích cho các công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích để sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước giao kế hoạch.

b) Trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức giao kế hoạch là khoản hỗ trợ tài chính của ngân sách nhà nước cho công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích để sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước giao kế hoạch.

2. Mức trợ giá, trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức giao kế hoạch:

a) Mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức giao kế hoạch là phần chênh lệch giữa giá tiêu thụ theo quy định của Nhà nước với chi phí sản xuất hợp lý của công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích để sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước giao kế hoạch.

b) Mức trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức giao kế hoạch là phần chênh lệch giữa số tiền do Nhà nước thanh toán hoặc do người được hưởng sản phẩm, dịch vụ công ích thanh toán với chi phí sản xuất hợp lý của công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích để sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước giao kế hoạch.

3. Căn cứ xem xét trợ giá, trợ cấp:

a) Thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích do Chính phủ quy định;

b) Quyết định giao kế hoạch do Thủ trưởng cơ quan nhà nước giao kế hoạch cho công ty nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích;

c) Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong kế hoạch được giao. Trường hợp có sự thay đổi về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích phải được cơ quan giao kế hoạch đồng ý bằng văn bản và được bố trí trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm.

4. Thẩm quyền quyết định mức trợ giá, trợ cấp:

a) Bộ Tài chính quyết định mức trợ giá, trợ cấp đối với sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước giao kế hoạch được thanh toán từ nguồn ngân sách trung ương trên cơ sở đề nghị của Bộ quản lý ngành.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức trợ giá, trợ cấp đối với sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước giao kế hoạch được thanh toán từ nguồn ngân sách địa phương trên cơ sở đề nghị của Sở chuyên ngành.

5. Phương thức cấp phát các khoản trợ giá, trợ cấp:

Phương thức cấp phát các khoản trợ giá, trợ cấp thực hiện theo quy định hiện hành./.

THỦ TƯỚNG
Nguyễn Tấn Dũng